TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Viết Hoàn -Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị Bích H; nơi cư trú: Thôn 3, TA, xã L, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Trung T; nơi cư trú: Thôn 3, TA, xã L, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Ngô Thị Bích H trình bày: Chị và anh Phạm Trung T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện VB, Hải Phòng vào ngày 19-6-1998.

Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn chị phải đi làm ăn xa nhà ở Đài Loan để trả nợ. Thời gian vợ chồng ở xa nhau, anh T không quan tâm đến chị dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Tháng 8/2017 chị trở về nhà, anh T đối xử với chị lạnh nhạt. Từ khi chị về nhà đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Trung T.

Về con chung: Chị và anh Phạm Trung T có hai con chung là Phạm Trung T1, sinh ngày 21-7-1999 hiện nay đã trưởng thành và Phạm Thị H , sinh ngày 14-11-2003. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Thị H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh T.

Về tài sản: Tài sản chung của chị và anh Phạm Trung T gồm có 01 nhà xây hai tầng, công trình phụ khép kín gồm có nhà bếp, nhà vệ sinh, 01 quán bán hàng, 01 lán đều lợp tôn mạ màu, 01 bể nước, 01 cầu qua mương, công trình chăn nuôi đã xuống cấp trên diện tích đất ở 240m^2 tại thôn TA, xã L, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc đất ở do vợ chồng mua của UBND xã L thể hiện tại phiếu thu ngày 22-11-1998 với số tiền là 5.280.000đ. Vị trí diện tích kích thước đất ở thể hiện: Phía Tây, giáp lúa dài 11.4m, phía Đông, giáp đường xóm dài 11.4m, phía Nam, giáp bà H1 dài 21.0m, phía Bắc, giáp lúa dài 21.0m. Năm 2006 UBND xã L đã lập trích đo đất ở đối với diện tích của vợ chồng anh chị là 240m^2 tại thửa 141, tờ bản đồ số 10. Ngày 15-5-2015 gia đình chị được UBND huyện VB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 200m^2 mang tên anh Phạm Trung T. Thời điểm làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị đi lao động ở nước ngoài, nên anh T đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh T. Hiện nay nhà, đất vợ chồng anh chị đang quản lý. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án chia đôi tài sản nhà đất bằng hiện vật, chị xin ở phần đất về phía Nam (giáp bà Hỡi) trên đất có nhà xây hai tầng kiên cố, nhà bếp, nhà vệ sinh, đề nghị Tòa án giao cho anh T ở phần đất trống phía Bắc (giáp lúa). Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 29 tháng 6 năm 2018 chị H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản vợ chồng.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Trung T xác nhận điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Ngô Thị Bích H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn do chị H nợ nần nhiều. Năm 2011 chị H đi lao động tại Đài Loan, anh không đồng ý nhưng gia đình chị H đã sắp xếp lo cho chị H đi. Thời gian đi lao động xa gia đình, chị H có về nhà vài lần nhưng đối xử với anh lạnh nhạt. Đến

tháng 8/2017 chị H trở về gia đình nhưng cư xử với anh không đúng mực, chị tỏ thái độ coi thường anh dẫn đến vợ chồng không ai hỏi ai. Từ năm 2011 đến nay anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Ngô Thị Bích H có hai con chung là Phạm Trung T1, sinh ngày 21-7-1999 hiện nay đã trưởng thành và Phạm Thị H, sinh ngày 14-11-2003. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Thị H cho anh T tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị H.

Về tài sản của anh và chị H có 01 nhà xây hai tầng kiên cố, công trình phụ khép kín gồm nhà bếp, nhà vệ sinh, 01 quán bán hàng, 01 lán lợp tôn mạ màu, 01 bể nước mưa, khu chăn nuôi, 01 cầu bắc qua mương trên diện tích đất ở 200m2 đã được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15-5-2015 mang tên anh, nguồn gốc đất ở là của anh. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh không đồng ý chia tài sản, quan điểm của anh nhường lại tài sản cho con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Bị đơn không chấp hành yêu cầu của Tòa án, không nộp bản tự khai, không tham gia phiên tòa. Tuy nhiên việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn với anh Phạm Trung T. Về con chung: Xử giao con chung Phạm Thị H , sinh ngày 14-11-2003 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H xin tự giải quyết với anh T nên không xem xét giải quyết. Về tài sản: Ngày 29-6-2018 chị H có đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản. Việc rút yêu cầu của chị H là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217, 218, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của chị H. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại chị H 6.000.000đ tiền tạm ứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Phạm Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Trung T.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Bích H và anh Phạm Trung T kết hôn ngày 19-6-1998, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã L , huyện VB, thành phố Hải Phòng, kết hôn trên cơ sở tự nguyên, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận được đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về tình cảm cũng như kinh tế dẫn đến bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2011 chị H đã đi lao động tại nước ngoài, đến tháng 8/2017 chị H trở về gia đình, vợ chồng đối xử với nhau lạnh nhạt và sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị H nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, quá trình giải quyết vụ án anh T không đồng ý ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh T phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có hai chung là Phạm Trung T1, sinh ngày 21-7-1999 hiện nay đã trưởng thành và Phạm Thị H , sinh ngày 14-11-2003. Khi ly hôn, chị H và anh T cùng đề nghị được nuôi dưỡng con chung Phạm Thị H. Xét yêu cầu, đề nghị giải quyết việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào điều kiện nuôi con của chị H và anh T thì thấy anh chị có đủ điều kiện để nuôi con, tuy nhiên cháu Phạm Thị H có nguyện vọng xin ở với anh T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của anh T giao con chung Phạm Thị H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với

Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H xin tự giải quyết với anh T nên không đặt ra để giải quyết

[5] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án chị H đề nghị chia đôi tài sản là các công trình xây dựng trên diện tích đất ở 240m2 tại TA, xã L, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên ngày 29-6-2018 chị H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản đối với anh T. Xét việc rút yêu cầu chia tài sản của chị H là tự nguyện nên cần chấp nhận yêu cầu của chị.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Ngô Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại chi H số tiền đã nộp tạm ứng án phí chia tài sản là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 6, Điều 18 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Bích H được ly hôn với anh Phạm Trung T.

2. Về con chung: Xử giao con chung Phạm Thị H , sinh ngày 14-11-2003 cho anh Phạm Trung T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H xin tự giải quyết với anh T nên không đặt ra để giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của chị Ngô Thị Bích H. Chị Ngô Thị Bích H, anh Phạm Trung T có quyền khởi kiện lại yêu cầu chia tài sản theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015955 ngày 27-3-2018. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại chị Ngô Thị Bích H số tiền đã nộp tạm ứng án phí chia tài sản là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015956 ngày 27-3-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã L huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền